TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.PH
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2021
Về việc:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Từ R
Các Hội thẩm nhân dân
Bà Bùi Thị Út
Ông Lê Huỳnh Sinh
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà An Kim H , sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện N, tỉnh N

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975
Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đông Hải, TP. Ph , tỉnh N

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bà An Kim H là nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 09/9/2020, bà có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 264.000.000đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng), lãi suất hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau là 3%/tháng nhưng không ghi cụ thể. Thời hạn vay là từ ngày 09/9/2020 đến ngày 09/11/2020.

Khi vay hai bên có lập Hợp đồng cho vay tiền ngày 09/9/2020 (Hợp đồng làm 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản) có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị L. Từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị L vẫn không trả cho bà, Mặc dù, rất nhiều lần bà đến nhà bà Lũy yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị L còn nợ nhưng bà Lũy vẫn khất lần không trả.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ cho bà tổng số tiền gốc và lãi tạm tính từ ngày 09/11/2020 đến ngày 09/8/2021 là 287.760.000đồng. Cụ thể:

- Số tiền gốc là 264.000.000đồng.

- Số tiền lãi tạm tính từ ngày 09/11/2020 đến hết đến ngày 09/08/2021 là 09 tháng, với mức lãi suất 1%/1 tháng. Như vậy số tiền lãi là: 264.000.000 đồng x 9 tháng x 1%/1tháng = 23.760.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà An Kim H xin rút lại không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày bà Lũy chậm trả nợ đến nay.

* ***Đối với bị đơn: Bà Nguyễn Thị L.***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L nhưng bà Lũy không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản về việc không tống đạt được và niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà An Kim H yêu cầu Toà án tiến hành giám định chữ ký trên Hợp đồng cho vay tiền ngày 09/9/2020 do bà An Kim H cung cấp căn cứ, đối chiếu với với chữ ký, chữ viết "*Nguyễn Thị L*" tại tờ khai chứng minh nhân dân ngày 18/9/1997 và tờ khai chứng minh nhân dân ngày 04/9/2014 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không. Ngày 05/7/2021 Tòa án ban hành quyết định số: 09/2021/QĐ-TCGĐ để trưng cầu giám định với nội dung: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L dưới mục đại diện bên B tại " Hợp đồng cho vay tiền" ngày 09/9/2020 so với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị L trên tài liệu mẫu so sánh là Tờ khai chứng minh nhân dân ngày 18/9/1997 và tờ khai chứng minh nhân dân ngày 04/9/2014 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không? Tại bản kết luận giám định số: 134/KLGĐ ngày 14/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận kết luận: "Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị L dưới mục "Đại diện bên B" ở trang thứ 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra".

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ph, tỉnh N phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà An Kim H . Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà An Kim H số tiền gốc còn nợ là 264.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng*). Tại phiên tòa bà An Kim H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại khu phố 4, phường Đông Hải, thành phố Ph, tỉnh N do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ph, tỉnh N theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện nguyên đơn cho bị đơn vay tiền từ ngày 09/9/2020, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 09/11/2020. Ngày 01/3/2021 bà An Thị Kim Huệ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ kiện nhưng bà Lũy vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng

không có ý kiến gì về việc yêu cầu trả nợ của bà An Kim H . Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy "Hợp đồng cho vay tiền" ngày 09/9/2020, bà Nguyễn Thị L có vay của bà An Kim H số tiền 264.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), hai bên thoả thuận lãi suất với nhau bằng miệng, không ghi vào hợp đồng vay, thời hạn thanh toán là ngày 09/11/2020. Tuy nhiên, sau khi vay bà Nguyễn Thị L chỉ trả cho bà Huệ được hai tháng tiền lãi, sau đó không trả tiền cho bà Huệ đúng thời hạn thoả thuận. Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì:*"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* .

Tại bản kết luận giám định số: 134/KLGĐ ngày 14/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận kết luận: "Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị L dưới mục " Đại diện bên B" ở trang thứ 2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra". Do đó, bà Huệ yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ trên. Tòa án cũng tống đạt hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị L không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, bà An Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay là 264.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng*) tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận. Bà An Kim H không yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày bà Nguyễn Thị L chậm trả nợ đến nay nên không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tại phiên tòa là có căn cứ. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà An Kim H số tiền nợ gốc là 264.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

[3]. Về chi phí tố tụng: Kết quả giám định cho thấy, yêu cầu của bà An Kim H là có căn cứ nên buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho bà Huệ số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận, vì vậy bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật: 264.000.000đồng x 5%= 13.200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 429; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà An Kim H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà An Kim H số tiền gốc là 264.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho bà An Kim H số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm ngàn đồng*) tiền chi phí tố tụng cho việc giám định.

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015".

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.200.000đồng (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Bà An Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà An Kim H số tiền 6.600.000đồng (*Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0023422, ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ph, tỉnh N

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2021); Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPPRTC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh N;
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Công R